

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Chuyên ngành: Đo lường và đánh giá trong giáo dục

(Ban hành kèm theo Quyết định số 713/QĐ-ĐT, ngày 11 tháng 3 năm 2013
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Đo lường và Đánh giá trong giáo dục
 - + Tiếng Anh: Educational Assessment and Measurement
- Mã số chuyên ngành đào tạo: Chuyên ngành đào tạo thí điểm
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Tiến sĩ Đo lường và Đánh giá trong giáo dục
 - + Tiếng Anh: The Degree of Doctor of Philosophy in Educational Assessment and Measurement
- Đơn vị đào tạo: Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội

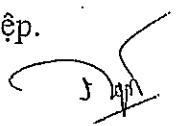
2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo ra các tiến sĩ chuyên ngành Đo lường và Đánh giá (ĐL&ĐG) trong giáo dục có phẩm chất đạo đức tốt; có trình độ cao về lý luận và thực hành; có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo; có tầm nhìn; có năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề mới có ý nghĩa khoa học, có tính ứng dụng thực tiễn trong lĩnh vực ĐL&ĐG và các lĩnh vực liên quan khác trong giáo dục.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Trang bị cho nghiên cứu sinh những kiến thức nâng cao, chuyên sâu, cập nhật, mang tính lý luận và phương pháp luận cao về ĐL&ĐG và các lĩnh vực liên quan khác trong giáo dục trên nền tảng các kiến thức đã có ở bậc thạc sĩ;
- Phát triển kỹ năng tư duy hệ thống, phân tích, tổng hợp, đánh giá, phát hiện và giải quyết vấn đề; năng lực nghiên cứu và phát triển chuyên môn nghề nghiệp.



3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

3.1.1. *Đối tượng từ thạc sĩ:* xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐHQGHN

- *Đối tượng từ cử nhân:* Không xét duyệt các trường hợp từ cử nhân

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. *Về văn bằng và công trình đã công bố:* đạt một trong những yêu cầu sau:

- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục.
- Có bằng thạc sĩ thuộc các chuyên ngành gần (như Quản lý giáo dục, Tâm lý học, Xã hội học, Giáo dục học, Sư phạm các ngành, v.v.). Trường hợp này, thí sinh phải có ít nhất 02 bài báo khoa học có nội dung phù hợp với chuyên ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục và được công bố trên tạp chí khoa học của ĐHQGHN, các tạp chí khoa học có uy tín cấp quốc gia, quốc tế hoặc trong các tuyển tập công trình (có phản biện) của Hội nghị khoa học cấp quốc gia, quốc tế được xuất bản chính thức trước khi đăng ký tuyển sinh.

3.2.2. *Về kinh nghiệm công tác:* Các thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục cần có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực giáo dục hoặc các lĩnh vực có liên quan đến đo lường đánh giá (tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày thi tuyển sinh).

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1. Kiến thức học phân và chuyên đề tiến sĩ

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội đặt ra đối với lĩnh vực ĐL&ĐG trên cơ sở vận dụng các kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn trong khoa học ĐL&ĐG trong giáo dục;

- Phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới về lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực ĐL&ĐG trong giáo dục.

1.2. Yêu cầu đối với luận án

- Luận án phải là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học, lý luận hoặc thực tiễn đang đặt ra, góp phần xây dựng,

hình thành khung lí thuyết mới, hệ tư tưởng mới phù hợp với chuyên ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục;

- Đề tài luận án phải được tiểu ban chuyên môn của Viện ĐBCLGD thông qua và được Viện trưởng Viện ĐBCLGD ra quyết định giao đề tài và cán bộ hướng dẫn. Nghiên cứu sinh phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 3 tháng sau khi nhận đề tài luận án và báo cáo kết quả nghiên cứu 6 tháng 1 lần trong thời gian thực hiện luận án. Kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét việc đề nghị cho bảo vệ luận án;

- Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là kết quả lao động của chính tác giả thu được chủ yếu trong thời gian đào tạo. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác (bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) thì phải được tác giả đồng ý và trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể đó cho tác giả sử dụng kết quả chung của tập thể để viết luận án;

- Luận án phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lí luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực Đo lường và đánh giá trong giáo dục, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành hay thực tiễn kinh tế - xã hội;

- Luận án có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh theo cấu trúc: Phần mở đầu, Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, nội dung, kết quả nghiên cứu, kết luận và khuyến nghị, danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài, luận án, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục (nếu có). Bản tóm tắt luận án có khối lượng không quá 24 trang A5 phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3 đến 5 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những đóng góp quan trọng nhất của luận án;

- Thể hiện được hiểu biết sâu sắc về kiến thức và phương pháp nghiên cứu chuyên ngành trong việc giải quyết đề tài nghiên cứu cụ thể;

- Kết quả luận án có giá trị đối với lĩnh vực Đo lường và đánh giá trong giáo dục, về lí thuyết khoa học cũng như thực tiễn quản lí, tạo dựng các giá trị bền vững thông qua hoạt động của người học.

1.3. Yêu cầu về số lượng và chất lượng của công trình khoa học sẽ công bố

Trong thời gian đào tạo có ít nhất 02 bài báo liên quan đến nội dung của luận án được công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành đào tạo có trong danh sách tạp chí được hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước công nhận và tính điểm.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng cứng

- Thành thạo trong việc tìm kiếm thông tin, tài liệu cho các hoạt động chuyên môn;
- Lập luận và giải quyết hiệu quả các vấn đề đặt ra trong lĩnh vực ĐL&ĐG;
- Sử dụng thành thạo các phương pháp và công cụ ĐL&ĐG phù hợp trong từng chuyên ngành đặc thù cần tiến hành ĐL&ĐG cũng như các lĩnh vực liên quan khác trong xã hội;

- Vận dụng sáng tạo kết quả phân tích định lượng và định tính trong nghiên cứu ĐL&ĐG trong giáo dục để mở rộng nghiên cứu trong các lĩnh vực khác;

2.2. Kỹ năng mềm

- Sử dụng thành thạo ngoại ngữ học thuật trong các hoạt động chuyên môn như: nghiên cứu tài liệu chuyên ngành, viết bài báo khoa học, trình bày báo cáo tại các hội nghị, hội thảo quốc gia và quốc tế về lĩnh vực ĐL&ĐG trong giáo dục. Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra tương đương chuẩn B2 của Khung tham chiếu châu Âu (đối với tiếng Anh: tương đương 5.0 IELTS, hoặc 500 TOEFL).

- Phổ biến, truyền tải một cách thuyết phục và hiệu quả các kết quả nghiên cứu khoa học và các vấn đề về học thuật đến các nhà khoa học;

- Quản lý tốt thời gian và nguồn lực cá nhân;

- Thích ứng nhanh nhạy với sự thay đổi của môi trường kinh tế - xã hội và môi trường đa văn hóa;

- Tổ chức và lãnh đạo nhóm thực hiện hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực kiểm định chất lượng, đảm bảo chất lượng nói riêng và lĩnh vực đo lường và đánh giá trong giáo dục nói chung;

- Có khả năng tác nghiệp độc lập: xác định mục tiêu, lập kế hoạch, triển khai và hoàn thành công việc hiệu quả, tự đánh giá kết quả công việc, tự phát triển bản thân, tự trau dồi và phát triển nghề nghiệp.

3. Về năng lực

3.1. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Cán bộ nghiên cứu (về ĐL&ĐG trong giáo dục, ĐBCL và KĐCL giáo dục và các vấn đề liên quan khác trong xã hội) trong các cơ sở giáo dục đại học (trường đại học, viện nghiên cứu, học viện) hoặc các cơ quan quản lý giáo dục;

- Giảng viên các chương trình đào tạo sau đại học và các khóa tập huấn về ĐL&ĐG trong giáo dục, ĐBCL và KĐCL giáo dục;

- Chuyên gia tư vấn cho lãnh đạo một chương trình/hoạt động/đơn vị liên quan đến lĩnh vực ĐL&ĐG trong giáo dục, ĐBCL và KĐCL giáo dục trong các cơ sở giáo dục đại học hoặc các cơ quan quản lý giáo dục;

- Thành viên trong các đoàn đánh giá ngoài để đánh giá chất lượng cơ sở đào tạo/ chương trình giáo dục với vị trí: thư ký, ủy viên, trưởng đoàn hoặc cố vấn;

- Chuyên gia tư vấn, hoạch định chính sách, chiến lược về ĐBCL, KĐCL giáo dục;

3.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

- Hiểu biết sâu sắc các chuẩn mực cốt lõi của chuyên ngành – liên ngành và các quan điểm liên quan phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu;

- Có khả năng hình thành các giả thuyết, thu thập, phân tích và xử lý thông tin; nghiên cứu thực nghiệm, kiểm định giả thuyết trong lĩnh vực chuyên môn và ứng dụng để nghiên cứu các vấn đề liên quan khác trong giáo dục;

- Tổng hợp, đánh giá được các tài liệu học thuật, nghiên cứu và phân tích có phản biện những thay đổi trong khoa học về ĐL&ĐG trong giáo dục;

- Tiếp cận và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn nói riêng và các vấn đề kinh tế - văn hóa – xã hội nói chung dựa trên tư duy logic, có hệ thống;

- Đưa ra những đánh giá, phán đoán có giá trị trong lĩnh vực chuyên môn và giải quyết linh hoạt, hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình nghiên cứu.

- Đề xuất, triển khai và hoàn thành hiệu quả một nhiệm vụ trong lĩnh vực ĐL&ĐG và các lĩnh vực liên quan khác trong giáo dục;

- Hỗ trợ hiệu quả các hoạt động, các đối tượng khác nhau về chuyên môn và tại nơi làm việc;

- Biết cách lãnh đạo, quản lý những rủi ro phát sinh, những thay đổi hoặc áp dụng những tiến bộ mới trong các hoạt động chuyên môn.



4. Về phẩm chất đạo đức

4.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Có lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật cao;
- Có ý thức học tập không ngừng để phát triển chuyên môn;
- Nhiệt tình, say mê, sáng tạo, linh hoạt, chủ động trong quá trình thực hiện công việc liên quan đến ĐL&ĐG và các lĩnh vực khác trong giáo dục.

4.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Thể hiện trách nhiệm cao đối với công việc;
- Hợp tác và tôn trọng những đóng góp của các nhà nghiên cứu và học giả khác;
- Tôn trọng sự thật, chân lý và tính trung thực trong đạo đức nghiên cứu và học thuật;
- Thích ứng với mọi hoàn cảnh thực tế của công việc và tự tin trong môi trường làm việc đa văn hóa;
- Có tinh thần hợp tác, chia sẻ và phối hợp trong các hoạt động nhóm hoặc những hoạt động nghiên cứu quy mô lớn mang tính liên ngành.

4.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Nắm vững và chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước;
- Sống và làm việc theo pháp luật;
- Có tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng và đất nước.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

a) Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 89 tín chỉ, trong đó:

- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan:	19 tín chỉ
+ Các học phần tiến sĩ:	9 tín chỉ
• Bắt buộc:	3 tín chỉ
• Tự chọn:	6/42 tín chỉ
+ Ngoại ngữ học thuật nâng cao:	4 tín chỉ
+ Các chuyên đề tiến sĩ:	4 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan:	2 tín chỉ

- Nghiên cứu khoa học (không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo)

- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

b) Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 109 tín chỉ, trong đó:

- Các học phần bổ sung kiến thức: 20 tín chỉ

- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: 19 tín chỉ

+ Các học phần tiến sĩ: 9 tín chỉ

• Bắt buộc: 3 tín chỉ

• Tự chọn: 6/42 tín chỉ

+ Ngoại ngữ học thuật nâng cao: 4 tín chỉ

+ Các chuyên đề tiến sĩ: 4 tín chỉ

+ Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ

- Nghiên cứu khoa học (không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo)

- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ



2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN						
I.1	Các học phần tiến sĩ		9				
I.1.1	Bắt buộc		3				
1	CEQ 8002	Các xu thế mới trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập <i>New trends in assessment of learning outcomes</i>	3	15	20	10	
I.1.2	Tự chọn		6/42				
2	CEQ 8001	Những vấn đề trong đánh giá năng lực người học <i>Issues in evaluation of learners' capacities</i>	3	15	20	10	
3	✓ CEQ 8003	Các quan điểm về đánh giá nhà lãnh đạo và nhà quản lý <i>Perspectives on evaluation of leaders and managers</i>	3	15	20	10	
4	✓ CEQ 8004	Các xu thế mới trong kiểm định chất lượng giáo dục <i>New trends in quality education accreditation</i>	3	15	20	10	
5	✓ CEQ 8005	Những vấn đề về đánh giá giáo dục xuyên biên giới <i>Issues in evaluation of cross-border education</i>	3	15	20	10	
6	✓ CEQ 8006	Các cách tiếp cận trong việc xếp hạng các trường đại học <i>Approaches to higher education institutions ranking</i>	3	15	20	10	
7	✓ CEQ 8007	Văn hoá chất lượng trong trường đại học <i>Quality culture in higher education institutions</i>	3	15	20	10	
8	✓ CEQ 8008	Đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng trong các cơ sở giáo dục đào tạo <i>Evaluation of internal quality assurance in education institutions</i>	3	15	20	10	

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
9	✓ CEQ 8009	Đánh giá hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của giáo viên <i>Evaluation of teachers' teaching, researching and community services</i>	3	15	20	10	
10	✓ CEQ 8010	So sánh các mô hình quản trị đại học <i>Comparisons of higher education governance models</i>	3	15	20	10	
11	✓ CEQ 8011	Tổng quan về giáo dục Việt Nam <i>Overview of Vietnam Education</i>	3	15	20	10	
12	CEQ 8012	Giáo dục phổ thông ở Việt Nam <i>School Education in Vietnam</i>	3	15	20	10	
13	CEQ 8013	Giáo dục đại học Việt Nam <i>Higher Education in Vietnam</i>	3	15	20	10	
14	✓ CEQ 8014	Thống kê giáo dục Việt Nam <i>Education Statistics of Vietnam</i>	3	15	20	10	
15	✓ CEQ 8015	Đánh giá năng lực và chất lượng hoạt động của tổ chức/đơn vị đào tạo <i>Assessing and evaluating training institutions' competency performance</i>	3	15	20	10	
I.2	Ngoại ngữ học thuật nâng cao		4				
16	ENG 8001	Tiếng Anh	4	0	0	60	
I.3	Các chuyên đề tiến sĩ		4				
17		Chuyên đề 1	2				
18		Chuyên đề 2	2				
I.4	Tiểu luận tổng quan		2				
19		Tiểu luận tổng quan	2	0	0	30	
II	PHẦN 2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)						
III	PHẦN 3. LUẬN ÁN TIẾN SĨ						
20	CEQ 9001	Luận án tiến sĩ	70				
		Tổng cộng	89				

2.2. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	PHẦN 1. KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG (các môn học của chương trình đào tạo thạc sĩ)						
I.1	Bắt buộc		18				
1	MAT 6401	Thống kê ứng dụng trong giáo dục ✓ <i>Applied in Educational Statistic</i>	3	30	10	5	
2	CEQ 6011	Phương pháp nghiên cứu khoa học ✓ <i>Research Methodology</i>	3	30	10	5	MAT 6401
3	CEQ 6001	Lý thuyết đo lường và đánh giá ✓ <i>Theories of Measurement and Evaluation</i>	3	30	10	5	MAT 6401
4	CEQ 6004	Thiết kế điều tra khảo sát và công cụ đánh giá ✓ <i>Survey & Assessment Design</i>	3	30	10	5	CEQ 6011 CEQ 6001
5	CEQ 6003	Lý thuyết hồi đáp, mô hình Rasch và phân tích dữ liệu bằng phần mềm Quest ✓ <i>Item Response Theory, Rasch Model and Data Analysis with Software QUEST</i>	3	30	10	5	CEQ 6011 CEQ 6001
6	CEQ 6002	Cơ sở khoa học và thiết kế các loại hình kiểm tra đánh giá kết quả học tập <i>Fundamentals of Assessment and Educational Testing of Learning Achievements</i>	3	30	10	5	CEQ 6003
I.2	Tự chọn		2/22				
7	CEQ 6006	Quản lý và kiểm định chất lượng giáo dục <i>Quality Management & Accreditation in Education</i>	2	15	10	5	CEQ 6002 CEQ 6004
8	PSE 6401	Các lý thuyết về sự phát triển con người <i>Theories of Human Development</i>	2	15	10	5	CEQ 6002 CEQ 6004
9	CEQ 6005	Đánh giá chương trình/dự án <i>Programme/ Project Evaluation</i>	2	15	10	5	CEQ 6002 CEQ 6004
10	CEQ 6007	Đo lường năng lực xúc cảm và sáng tạo <i>Measurement of Emotional and Creative Abilities</i>	2	15	10	5	CEQ 6002 CEQ 6004

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
11	CEQ 6008	Đo lường nhân cách <i>Measurement of Personality</i>	2	15	10	5	CEQ 6002 CEQ 6004
12	CEQ 6009	Đánh giá năng lực và chất lượng hoạt động của một tổ chức <i>Evaluation of Capacity and Quality of Performance Organization</i>	2	15	10	5	CEQ 6002 CEQ 6004
13	CEQ 6010	Đánh giá năng lực quản lý và lãnh đạo <i>Evaluation of Management & Leadership Capacities</i>	2	15	10	5	CEQ 6002 CEQ 6004
14	CEQ 6012	Các phương pháp nghiên cứu định tính <i>Qualitative Methods</i>	2	15	10	5	CEQ 6002 CEQ 6004
15	PSE 6402	Tâm lý giáo dục <i>Educational Psychology</i>	2	15	10	5	CEQ 6002 CEQ 6004
16	SOC 6401	Các vấn đề xã hội trong giáo dục <i>Social Issues in Education</i>	2	15	10	5	CEQ 6002 CEQ 6004
17	MNS 6008	Quản lý giáo dục ✓ <i>Education Management</i>	2	15	10	5	CEQ 6002 CEQ 6004
II	PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIÊN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN						
II.1	Các học phần tiên sĩ		9				
II.1.1	Bắt buộc		3				
18	CEQ 8002	Các xu thế mới trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập <i>New trends in assessment of learning outcomes</i>	3	15	20	10	
II.1.2	Tự chọn		6/42				
19	CEQ 8001	Những vấn đề trong đánh giá năng lực người học <i>Issues in evaluation of learners' capacities</i>	3	15	20	10	
20	CEQ 8003	Các quan điểm về đánh giá nhà lãnh đạo và nhà quản lý <i>Perspectives on evaluation of leaders and managers</i>	3	15	20	10	
21	CEQ 8004	Các xu thế mới trong kiểm định chất lượng giáo dục <i>New trends in quality education accreditation</i>	3	15	20	10	

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
22	CEQ 8005	Những vấn đề về đánh giá giáo dục xuyên biên giới <i>Issues in evaluation of cross-border education</i>	3	15	20	10	
23	CEQ 8006	Các cách tiếp cận trong việc xếp hạng các trường đại học <i>Approaches to higher education institutions ranking</i>	3	15	20	10	
24	CEQ 8007	Văn hoá chất lượng trong trường đại học <i>Quality culture in higher education institutions</i>	3	15	20	10	
25	CEQ 8008	Đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng trong các cơ sở giáo dục đào tạo <i>Evaluation of internal quality assurance in education institutions</i>	3	15	20	10	
26	CEQ 8009	Đánh giá hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của giáo viên <i>Evaluation of teachers' teaching, researching and community services</i>	3	15	20	10	
27	CEQ 8010	So sánh các mô hình quản trị đại học <i>Comparisons of higher education governance models</i>	3	15	20	10	
28	CEQ 8011	Tổng quan về giáo dục Việt Nam <i>Overview of Vietnam Education</i>	3	15	20	10	
29	CEQ 8012	Giáo dục phổ thông ở Việt Nam <i>School Education in Vietnam</i>	3	15	20	10	
30	CEQ 8013	Giáo dục đại học Việt Nam <i>Higher Education in Vietnam</i>	3	15	20	10	
31	CEQ 8014	Thống kê giáo dục Việt Nam <i>Education Statistics of Vietnam</i>	3	15	20	10	
32	CEQ 8015	Đánh giá năng lực và chất lượng hoạt động của tổ chức/đơn vị đào tạo <i>Assessing and evaluating training institutions' competency performance</i>	3	15	20	10	
I.2	Ngoại ngữ học thuật nâng cao		4				
33	ENG 8001	Tiếng Anh	4	0	0	60	

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I.3	Các chuyên đề tiến sĩ		4				
34		Chuyên đề 1	2				
35		Chuyên đề 2	2				
I.4	Tiểu luận tổng quan		2				
36		Tiểu luận tổng quan	2	0	0	30	
II	PHẦN 2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)						
III	PHẦN 3. LUẬN ÁN TIẾN SĨ						
37	CEQ 9001	Luận án tiến sĩ	70				
		Tổng cộng	109				

Handwritten signature

